

Số: 141/2005/QĐ-UBND

TP. Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 8 năm 2005

QUYẾT ĐỊNH
**Về ban hành Quy chế xã hội hóa dịch vụ cấp nước sạch
trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003 ;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Luật Tài nguyên nước ngày 20 tháng 5 năm 1998 ;

Căn cứ Luật Khuyến khích đầu tư trong nước (sửa đổi) ngày 20 tháng 5 năm 1998 ;

Căn cứ Nghị định số 51/1999/NĐ-CP ngày 08 tháng 7 năm 1999 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành Luật Khuyến khích đầu tư trong nước (sửa đổi); Nghị định số 35/2002/NĐ-CP ngày 29 tháng 3 năm 2002 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung danh mục A, B và C ban hành tại Phụ lục kèm theo Nghị định số 51/1999/NĐ-CP ngày 08 tháng 7 năm 1999 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Khuyến khích đầu tư trong nước (sửa đổi) ;

Căn cứ Nghị định số 93/2001/NĐ-CP ngày 12 tháng 12 năm 2001 của Chính phủ về phân cấp quản lý một số lĩnh vực cho thành phố Hồ Chí Minh ;

Căn cứ Nghị định số 149/2004/NĐ-CP ngày 27 tháng 7 năm 2004 của Chính phủ quy định việc cấp phép thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước ;

Căn cứ Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 24 tháng 12 năm 2001 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Quy hoạch tổng thể hệ thống cấp nước thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020 ;

Căn cứ Quyết định số 14/2004/QĐ-BXD ngày 14 tháng 5 năm 2004 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về ban hành định mức dự toán công tác sản xuất nước sạch ;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 104/2004/TTLT-BTC-BXD ngày 08 tháng 11 năm 2004 của Bộ Tài chính và Bộ Xây dựng hướng dẫn nguyên tắc, phương pháp xác định và thẩm quyền quyết định giá tiêu thụ nước sạch tại các đô thị, khu công nghiệp, cụm dân cư nông thôn ;

Căn cứ Quyết định số 146/2003/QĐ-UB ngày 13 tháng 8 năm 2003 của Ủy ban nhân dân thành phố về ban hành Quy định về cung cấp, sử dụng nước và bảo vệ công trình cấp nước trên địa bàn thành phố và Quyết định số 187/2004/QĐ-UB ngày 28 tháng 7 năm 2004 của Ủy ban nhân dân thành phố về điều chỉnh, bổ sung Quyết định số 146/2003/QĐ-UB ;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Giao thông - Công chính tại Công văn số 38/GT-PC ngày 14 tháng 6 năm 2005 và đề nghị của Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn tại Công văn số 3356/CV-CN-KS-TT ngày 06 tháng 7 năm 2005;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay ban hành kèm theo Quyết định này bản “Quy chế xã hội hóa dịch vụ cấp nước sạch trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 187/2003/QĐ-UB ngày 19 tháng 9 năm 2003 của Ủy ban nhân dân thành phố về ban hành Quy chế xã hội hóa dịch vụ cấp nước sạch trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 3. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Giao thông - Công chính, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận-huyện, Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn, Giám đốc các Doanh nghiệp cấp nước, Thủ trưởng các sở-ban-ngành thành phố, các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận :

- Như điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Xây dựng;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Cục Kiểm tra văn bản-Bộ Tư pháp;
- Thường trực Thành ủy;
- Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố;
- Thường trực Ủy ban nhân dân thành phố;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội thành phố;
- Các Đoàn thể thành phố;
- Văn phòng Thành ủy;
- Các Ban Thành ủy;
- Các Ban Hội đồng nhân dân thành phố;
- Các Báo, Đài (để thông tin và tuyên truyền);
- VPHĐ-UB : các PVP, các Tổ NCTH;
- Lưu (ĐT-Th). T.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Đua

QUY CHẾ
XÃ HỘI HOÁ DỊCH VỤ CẤP NƯỚC SẠCH
TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

(Ban hành kèm theo Quyết định số 141/2005/QĐ-UBND
ngày 11 tháng 8 năm 2005 của Ủy ban nhân dân thành phố)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Mục đích.

Xã hội hoá dịch vụ cấp nước sạch nhằm khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia các hình thức dịch vụ cấp nước sạch. Tạo môi trường thuận lợi cho các doanh nghiệp trong nước tham gia đầu tư nguồn nước, đầu tư phát triển mạng ống cấp nước, hạn chế thất thoát nước và nâng cao chất lượng dịch vụ cấp nước sạch, phù hợp với chiến lược, quy hoạch và kế hoạch thực hiện trong từng thời kỳ và hàng năm của thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2. Nguyên tắc.

Các nhà đầu tư tham gia dịch vụ cấp nước sạch trên cơ sở các nguyên tắc sau :

1. Được hưởng các ưu đãi và các điều kiện thuận lợi trong đầu tư phát triển và cung cấp nước sạch theo quy định của pháp luật và quy chế này.
2. Tuân thủ các quy định về khai thác sử dụng tài nguyên nước, cung cấp nước sạch, sử dụng lao động...và các quy định khác của pháp luật.

Điều 3. Giải thích từ ngữ.

Trong quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau :

1. “*Nhà đầu tư*” là doanh nghiệp trong nước thuộc các thành phần kinh tế, có đăng ký hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực sản xuất hoặc cung cấp nước sạch.
2. “*Nước sạch*” là nước được khai thác từ nguồn nước mặt hoặc nước ngầm đã được xử lý và khử trùng qua dây chuyền công nghệ khép kín, đáp ứng tiêu chuẩn chất lượng, vệ sinh cho nước uống và sinh hoạt do Nhà nước quy định.
3. “*Hệ thống cấp nước*” bao gồm các công trình thu nước, trạm bơm, nhà máy xử lý, công trình chứa nước, trữ nước, tuyến ống truyền tải nước và tuyến ống phân phối nước tới người tiêu thụ.

4. “*Tuyến ống cấp nước*” là toàn bộ các đường ống dẫn nước sạch hiện hữu của Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn có đường kính D600mm – D100mm, ống nhánh có đường kính D200mm – D100mm (mạng cấp 3), các hầm van, khóa, đồng hồ nước,... và các thiết bị cấp nước phụ trợ khác.

5. “*Giá bán nước sạch bình quân*” là giá bình quân trên 01m³ nước bán ra của Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn theo từng thời điểm, khác với giá bán cho từng đối tượng. Giá này được Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn công bố vào đầu quý I hàng năm dựa trên cơ sở là giá bán nước sạch bình quân của kỳ 12 - năm trước.

Điều 4. Các hình thức xã hội hóa cấp nước sạch.

1. Nhà đầu tư đầu tư vốn xây dựng hệ thống cấp nước: Tự tổ chức hoạt động kinh doanh hoặc hợp đồng bán sỉ nước sạch qua đồng hồ tổng với Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn tại khu vực chưa có hệ thống cấp nước của thành phố.

2. Nhà đầu tư bỏ vốn xây dựng trạm khai thác, xử lý nước, hợp đồng bán sỉ nước sạch qua đồng hồ tổng với Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn tại khu vực đã có tuyến ống cấp nước nhưng không có nước hoặc áp lực nước yếu.

3. Nhà đầu tư ký hợp đồng với Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn để đầu tư vốn cải tạo một khu vực hoặc toàn bộ tuyến ống cấp nước, kết hợp việc áp dụng các tiến bộ kỹ thuật, công nghệ mới để hạ tỷ lệ thất thoát nước.

4. Nhà đầu tư đầu tư phương tiện để vận chuyển nước sạch trên cơ sở hợp đồng vận chuyển với Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn.

5. Nhà đầu tư ký hợp đồng với Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn để đầu tư vốn áp dụng các tiến bộ kỹ thuật, công nghệ mới để cải tạo, nâng công suất, tăng sản lượng nước sạch của nhà máy nước.

6. Nhà đầu tư tiếp nhận hệ thống mạng phân phối cấp nước do Nhà nước đầu tư hoặc đầu tư vốn xây dựng mạng phân phối cấp nước tại khu vực chưa có mạng phân phối cấp nước của thành phố, hợp đồng mua sỉ nước sạch qua đồng hồ tổng với Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn và tự tổ chức hoạt động kinh doanh.

Chương II **ĐIỀU KIỆN THAM GIA, PHƯƠNG THỨC** **LỰA CHỌN NHÀ ĐẦU TƯ**

Điều 5. Điều kiện tham gia đầu tư.

1. Nhà đầu tư phải đáp ứng Khoản 1, Điều 3 của quy chế này.
2. Có phương án tổ chức thực hiện dịch vụ, năng lực tài chính, trang thiết bị, công nghệ kỹ thuật áp dụng, nhân lực, khả năng quản lý và cam kết bảo đảm chất lượng dịch vụ cấp nước sạch.

Điều 6. Hình thức chọn nhà đầu tư.

1. Trường hợp chỉ có một nhà đầu tư tham gia tại khu vực đã công bố thì nhà đầu tư chỉ được chọn khi đáp ứng điều kiện quy định tại Điều 5.

2. Trường hợp có hai Nhà đầu tư trở lên cùng muốn thực hiện một dự án đầu tư thì tổ chức đấu thầu để chọn nhà đầu tư theo quy chế đấu thầu hiện hành. Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn tổ chức đấu thầu trong các trường hợp nhà đầu tư thực hiện các hình thức quy định tại Khoản 2, 3, 4, 5 và 6, Điều 4. Sở Giao thông - Công chính chỉ định đơn vị tổ chức đấu thầu trong trường hợp nhà đầu tư thực hiện theo Khoản 1, Điều 4 của quy chế này.

Chương III **QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA NHÀ ĐẦU TƯ**

Điều 7. Quyền của Nhà đầu tư.

1. Lựa chọn hình thức, địa bàn, quy mô đầu tư dịch vụ cấp nước sạch; được thay đổi hoặc chuyển nhượng dự án đầu tư theo quy định của pháp luật.

2. Đăng ký các hình thức ưu đãi và mức hưởng các ưu đãi phù hợp với quy định của Luật khuyến khích đầu tư trong nước.

3. Tự quyết định trong hoạt động đầu tư và sản xuất kinh doanh đã đăng ký.

4. Thuê lao động không hạn chế về số lượng, trả tiền công trên cơ sở thỏa thuận với người lao động phù hợp với quy định của pháp luật về lao động.

5. Khiếu nại, tố cáo hoặc khởi kiện với cơ quan nhà nước có thẩm quyền về các hành vi vi phạm pháp luật của cơ quan, cán bộ công chức nhà nước theo quy định của pháp luật.

6. Mở rộng quy mô kinh doanh theo quy hoạch và nhu cầu sử dụng nước sạch của người tiêu thụ, thể hiện trong các kế hoạch, chương trình phát triển dịch vụ cấp nước của thành phố.

7. Được các cơ quan quản lý Nhà nước, Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn cung cấp thông tin, tài liệu liên quan đến hoạt động đầu tư, dịch vụ về quy hoạch xây dựng, quy hoạch tổng thể về hệ thống cấp nước, nhu cầu nước sạch của từng khu vực và các văn bản kế hoạch, chương trình phát triển, quy phạm pháp luật thuộc lĩnh vực chuyên ngành cấp nước.

8. Được tạm ngưng cấp nước trong các trường hợp sau :

a- Theo kế hoạch sửa chữa, cải tạo hệ thống cấp nước không quá 24 giờ cho một lần và không quá hai lần trong một năm.

b- Do khách hàng vi phạm các quy định về sử dụng, thanh toán tiền nước sau khi có văn bản thông báo về nội dung vi phạm của khách hàng theo hợp đồng dịch vụ giữa hai bên.

c- Do các điều kiện bất khả kháng như thiên tai, chiến tranh, hỏa hoạn hoặc do hệ thống cấp nước bị sự cố, hư hỏng đột xuất.

d- Do yêu cầu của Ủy ban nhân dân quận, huyện nhằm thực hiện biện pháp cưỡng chế hành chính đối với các trường hợp vi phạm hành chính bị xử lý nhưng không chấp hành quyết định xử lý của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

9. Được hưởng chế độ trợ giá nước sạch, khi thực hiện kinh doanh dịch vụ cấp nước sạch mà theo quyết định giá nước sạch của Ủy ban nhân dân thành phố không đủ bù đắp chi phí dịch vụ của nhà đầu tư.

Điều 8. Nghĩa vụ của nhà đầu tư.

1. Sản xuất, kinh doanh theo đúng đăng ký, thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về kế toán, thống kê, chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính trung thực, chính xác của việc đăng ký các hình thức ưu đãi và mức hưởng ưu đãi.

2. Nộp thuế và thực hiện các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật.

3. Tuân thủ các quy định của pháp luật về quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội. Tuân thủ yêu cầu của Ủy ban nhân dân quận-huyện về tạm ngưng cung cấp nước sạch nhằm thực hiện biện pháp cưỡng chế hành chính đối với các trường hợp vi phạm hành chính bị xử lý nhưng không chấp hành quyết định xử lý của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

4. Tuân thủ các quy định của pháp luật về tổ chức chính trị, tổ chức chính trị xã hội tại doanh nghiệp, tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức đó hoạt động.

5. Thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ theo quy định của pháp luật về lao động.

6. Tuân thủ các quy định của pháp luật về tài nguyên nước, bảo vệ môi trường, về tiêu chuẩn chất lượng, vệ sinh nước uống, nước sạch ; bảo vệ di tích lịch sử, văn hóa, danh lam thắng cảnh, phòng cháy chữa cháy.

7. Bảo đảm thực hiện đúng theo hợp đồng đã ký kết với Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn hoặc khách hàng sử dụng nước.

8. Tuân thủ các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật chuyên ngành.

9. Bảo đảm chất lượng nước sạch theo tiêu chuẩn đã đăng ký và chịu sự kiểm tra chất lượng vệ sinh của cơ quan có chức năng.

10. Thường xuyên tổ chức kiểm tra, giám sát, phát hiện và sửa chữa kịp thời các sự cố về đường ống nước, công trình cấp nước, phát hiện các vi phạm về các công trình cấp nước và khu vực an toàn công trình cấp nước, kiến nghị các cơ quan chức năng xử lý hoặc phối hợp giải quyết theo quy định.

Điều 9. Các chế độ ưu đãi đầu tư.

Nhà đầu tư được hưởng chế độ ưu đãi đầu tư và miễn giảm các loại thuế, xét cấp ưu đãi theo Nghị định số 51/1999/NĐ-CP ngày 08 tháng 7 năm 1999 và Nghị định số 35/2002/NĐ-CP ngày 29 tháng 3 năm 2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật khuyến khích đầu tư trong nước.

Cụ thể như sau:

1. Tiền sử dụng đất :

a- Được giảm 50% (nếu Nhà nước giao đất).

b- Được miễn tiền sử dụng đất, nếu đầu tư tại khu vực các huyện Nhà Bè, Cần Giờ.

2. Tiền thuê đất :

a- Được miễn tiền thuê đất trong 03 năm kể từ khi ký hợp đồng thuê đất (nếu được Nhà nước cho thuê đất) hoặc 06 năm nếu có số lao động bình quân trong năm ít nhất là 100 người.

b- Nếu đầu tư tại các huyện Nhà Bè, Cần Giờ được miễn tiền thuê đất 11 năm kể từ khi ký hợp đồng thuê đất (nếu được Nhà nước cho thuê đất) hoặc 13 năm nếu có số lao động bình quân trong năm ít nhất là 20 người.

3. Thuế sử dụng đất :

a- Được giảm 50% thuế sử dụng đất trong 07 năm.

b- Nếu đầu tư tại các huyện Nhà Bè, Cần Giờ được miễn 11 năm, hoặc trong 15 năm nếu có số lao động bình quân trong năm ít nhất là 20 người.

4. Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp :

4.1- Trường hợp dự án đầu tư về cấp nước gắn với việc thành lập doanh nghiệp :

a- Được miễn 02 năm và giảm 50% số thuế phải nộp cho 02 năm tiếp theo. Nếu số lao động sử dụng bình quân trong năm ít nhất là 100 người thì được miễn 02 năm và giảm 50% số thuế phải nộp cho 04 năm tiếp theo.

b- Nếu đầu tư tại các huyện Nhà Bè, Cần Giờ được miễn 03 năm và giảm 50% số thuế phải nộp cho 07 năm tiếp theo nếu có số lao động sử dụng bình quân trong năm ít nhất là 20 người.

4.2- Trường hợp hoạt động dịch vụ cấp nước là hoạt động bổ sung không gắn với việc thành lập doanh nghiệp :

a- Được miễn 01 năm và giảm 50% số thuế phải nộp cho 07 năm tiếp theo .

b- Được miễn 03 năm và giảm 50% số thuế phải nộp trong 05 năm tiếp theo nếu đầu tư tại các huyện Nhà Bè, Cần Giờ.

5. Không phải nộp thuế thu nhập bổ sung.

6. Được miễn thuế nhập khẩu đối với thiết bị máy móc, phương tiện vận tải chuyên dùng (nằm trong dây chuyền công nghệ) nhập khẩu để tạo tài sản cố định của doanh nghiệp mà trong nước chưa sản xuất được hoặc chưa đáp ứng yêu cầu chất lượng.

Điều 10. Bảo đảm và hỗ trợ đầu tư.

1. Nhà nước công nhận và bảo hộ quyền sở hữu tài sản, vốn đầu tư, thu nhập, các quyền và lợi ích hợp pháp khác của nhà đầu tư.

2. Tài sản và vốn đầu tư hợp pháp của Nhà đầu tư không bị quốc hữu hóa, không bị tịch thu bằng biện pháp hành chính.

Trong trường hợp thật cần thiết vì lý do quốc phòng, an ninh và vì lợi ích quốc gia, Nhà nước quyết định trưng mua hoặc trưng dụng tài sản của Nhà đầu tư, thì Nhà đầu tư được thanh toán hoặc bồi thường theo thời giá thị trường tại thời điểm công bố quyết định trưng mua hoặc trưng dụng đối với giá trị tài sản còn lại và được tạo điều kiện thuận lợi để đầu tư vào lĩnh vực, địa bàn thích hợp.

3. Trong trường hợp do thay đổi quy định của pháp luật hoặc thay đổi tình hình cung cấp nước sạch mà làm thiệt hại đến lợi ích của nhà đầu tư, thì Nhà nước cho phép nhà đầu tư được tiếp tục hưởng các ưu đãi đã quy định tại Điều 9 của quy chế này cho thời gian còn lại hoặc có chính sách giải quyết thỏa đáng quyền lợi cho nhà đầu tư.

4. Nhà đầu tư được Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn hỗ trợ :

a- Hướng dẫn, hỗ trợ kỹ thuật cho Nhà đầu tư thực hiện các quy định của cơ quan quản lý chuyên ngành.

b- Huấn luyện chuyên môn, nghiệp vụ cần thiết về quản lý hệ thống cấp nước.

Chương IV **CÁC HÌNH THỨC ĐẦU TƯ**

MỤC I **ĐẦU TƯ XÂY DỰNG HỆ THỐNG CẤP NƯỚC** **TỰ TỔ CHỨC QUẢN LÝ KINH DOANH**

Điều 11. Phạm vi.

Nhà đầu tư xây dựng hệ thống cấp nước và tự tổ chức kinh doanh nước sạch tại các khu vực chưa có hệ thống cấp nước của Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn.

Điều 12. Giá bán nước sạch.

Giá bán nước sạch tới người tiêu thụ của khu vực phải được Sở Tài chính-Vật giá thẩm định và Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt trên cơ sở giá bán nước sạch bình quân của Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn.

Điều 13. Trách nhiệm của nhà đầu tư.

1. Nhà đầu tư tổ chức thu tiền dịch vụ : thu tiền nước sử dụng, lắp đặt đồng hồ nước, ống nhánh và sửa chữa hệ thống nước cho người tiêu thụ.

2. Nhà đầu tư phải tuân thủ các quy định tại Điều 8 của Quy chế này.

MỤC II **ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NGUỒN NƯỚC** **VÀ KINH DOANH QUA ĐỒNG HỒ TỔNG**

Điều 14. Phạm vi.

Nhà đầu tư bỏ vốn khai thác nguồn nước, sản xuất nước sạch, hợp đồng bán sỉ nước sạch với Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn, tại khu vực đã có hệ thống cấp nước của thành phố nhưng áp lực yếu hoặc không có nước.

Điều 15. Giá nước.

Giá nước mua sỉ của Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn tại đồng hồ tổng được xác định theo công thức sau :

$$G_s = G_{bq} \times h - F_m$$

Trong đó :

G_s : Giá mua sỉ 1 m³ nước sạch tại đồng hồ tổng.

G_{bq} : Giá bán 1 m³ nước sạch bình quân tại kỳ công bố gần nhất.

h : Hệ số h được xác định là 0,7 với tỷ lệ thất thoát nước được ấn định là 30% vào năm 2003 theo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố. Tỷ lệ này sẽ giảm 0,5% vào mỗi năm và đến năm 2013 là 25%, lúc đó h sẽ là 0,75.

F_m : Chi phí mạng cấp 3 cho 1 m³ nước sạch của Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn được tính theo Thông tư liên tịch số 104/2004/TTLT-BTC-BXD ngày 08 tháng 11 năm 2004 của Bộ Tài chính và Bộ Xây dựng hướng dẫn nguyên tắc, phương pháp xác định và thẩm quyền quyết định giá tiêu thụ nước sạch tại các đô thị, khu công nghiệp, cụm dân cư nông thôn.

MỤC III

ĐẦU TƯ CẢI TẠO, ÁP DỤNG KHOA HỌC KỸ THUẬT HẠ TỶ LỆ THẤT THOÁT NƯỚC

Điều 16. Phạm vi hoạt động.

Nhà đầu tư ký hợp đồng với Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn để đầu tư vốn phân vùng, tách mạng tuyến ống cấp nước, xác định tỷ lệ thất thoát nước ban đầu, áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật và công nghệ mới, thực hiện cải tạo để hạ tỷ lệ thất thoát nước một khu vực hoặc toàn bộ hệ thống tuyến ống cấp nước sau khi các giải pháp kỹ thuật đã được Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn chấp thuận.

Điều 17. Giá trị hạ tỷ lệ thất thoát nước được hưởng.

Nhà đầu tư được hưởng :

1. 100% giá trị nước thất thoát giảm được với đơn giá bán nước sạch bình quân so với tỷ lệ thất thoát nước của lộ trình giảm thất thoát nước đã được hai bên thỏa thuận trong hợp đồng.

2. Thời gian được hưởng kéo dài đến khi nhà đầu tư thu được 1,3 hiện giá chi phí vốn đầu tư (thu hồi vốn đầu tư + lãi 30% trên hiện giá chi phí vốn đầu tư), nhưng không kéo dài quá số năm khai thác đã quy định trong hợp đồng.

a- Giá trị được hưởng khi giảm tỷ lệ thất thoát nước, được xác định theo công thức sau:

$$G_g = G_{bq} \times Q \times h_g$$

Trong đó:

G_g : Giá trị được hưởng khi làm giảm tỷ lệ thất thoát nước.

G_{bq} : Giá bán nước sạch bình quân.

Q : Khối lượng nước sạch qua đồng hồ tổng.

h_g (%): Tỷ lệ thất thoát nước giảm được.

b- Giá trị bồi thường khi làm tăng tỷ lệ thất thoát nước, được xác định theo công thức sau:

$$G_t = G_{bq} \times Q \times h_t$$

Trong đó:

G_t : Giá trị bồi thường khi làm tăng tỷ lệ thất thoát nước.

G_{bq} : Giá bán nước sạch bình quân.

Q : Khối lượng nước sạch qua đồng hồ tổng.

h_t (%): Tỷ lệ thất thoát nước tăng lên.

Điều 18. Phát hiện vi phạm sử dụng nước.

Trong quá trình thi công nhà đầu tư phát hiện được các đối tượng vi phạm quy định về sử dụng nước phải báo với Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn để xử lý vi phạm trong 24 giờ.

Điều 19. Trách nhiệm của nhà đầu tư.

1. Tổ chức quản lý, theo dõi chế độ làm việc hệ thống cấp nước trong khu vực đầu tư theo đúng quy trình kỹ thuật được quy định chi tiết theo hợp đồng.

2. Đảm bảo duy trì chế độ vận hành tuyến ống phân phối khu vực.

3. Chủ động kiểm soát đọc số từ đồng hồ tổng tới đồng hồ của người tiêu thụ dưới sự giám sát của Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn.

MỤC IV VẬN CHUYỂN NƯỚC SẠCH

Điều 20. Phạm vi điều chỉnh.

Nhà đầu tư ký hợp đồng vận chuyển nước sạch với Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn và cấp nước sạch tới người tiêu thụ tại các khu vực chưa có hệ thống cấp nước của thành phố (bằng xe bồn, xà lan).

Điều 21. Giá vận chuyển nước sạch tới người tiêu thụ.

Giá vận chuyển nước sạch được tính trên cơ sở giá vận chuyển nhiên liệu hiện hành có tính đến đặc thù của ngành nước.

Điều 22. Trách nhiệm của nhà đầu tư.

Nhà đầu tư phải thực hiện và tuân thủ các tiêu chuẩn kỹ thuật về phương tiện vận chuyển, bồn chứa nước sạch chuyên ngành cấp nước do Nhà nước ban hành; nước sạch vận chuyển trên các phương tiện tới người tiêu thụ phải bảo đảm đúng tiêu chuẩn, vệ sinh của nước cấp cho ăn uống và sinh hoạt theo quy định hiện hành của Nhà nước; đảm bảo quy trình tiêu chuẩn và chịu sự kiểm tra chất lượng vệ sinh của cơ quan có chức năng; đảm bảo an toàn giao thông.

MỤC V ĐẦU TƯ ÁP DỤNG CÁC TIẾN BỘ KỸ THUẬT, CÔNG NGHỆ MỚI ĐỂ CẢI TẠO, NÂNG CÔNG SUẤT, TĂNG SẢN LƯỢNG NƯỚC SẠCH CỦA NHÀ MÁY NƯỚC

Điều 23. Phạm vi hoạt động.

Nhà đầu tư ký hợp đồng với Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn để đầu tư vốn áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật, công nghệ mới để cải tạo, nâng công suất, tăng sản lượng nước sạch của nhà máy nước.

Điều 24. Giá trị được hưởng trên một mét khối nước sạch.

1. Nhà đầu tư được hưởng lợi đối với một mét khối nước sạch tăng thêm trên cơ sở các định phí, biến phí và các chi phí khác được tính như sau:

Công thức tính giá trị được hưởng cho một mét khối tăng thêm là:

$$G_h = (G_{sxbq} - G_{sxsdt}) \times \frac{G_{dt}}{G_{dt} + G_{tg}}$$

Trong đó:

G_h : Giá trị được hưởng cho một mét khối tăng thêm (trên cơ sở được tính toán từ sản lượng nước bình quân ổn định của nhà máy nước).

G_{sxbq} : Giá thành sản xuất bình quân một mét khối nước theo giá bán được duyệt theo từng thời kỳ của Ủy ban nhân dân thành phố (trước khi dự án hoạt động).

G_{sxsdt} : Giá thành sản xuất một mét khối nước tăng thêm (sau khi dự án hoạt động).

G_{dt} : Tổng giá trị đầu tư hợp lý của nhà đầu tư.

G_{tg} : Tổng giá trị tài sản cố định của Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn khi tham gia dự án.

$G_{sxbq} - G_{sxsdt}$: Là độ chênh lệch giá sản xuất một mét khối nước sạch trước và sau khi đầu tư (phần sinh lợi của dự án).

$\frac{G_{dt}}{G_{dt} + G_{tg}}$: Giá trị đầu tư của dự án so với tổng giá trị sau đầu tư ($G_{dt} + G_{tg}$) (giá trị đầu tư của dự án + giá trị sẵn có của nhà máy nước, trạm nước). Ý nghĩa là phần sinh lợi của dự án sẽ được chia theo tỷ lệ đầu tư.

2. Thời gian được hưởng kéo dài đến khi nhà đầu tư thu được 1,3 hiện giá chi phí vốn đầu tư (bao gồm thu hồi vốn đầu tư + lãi 30% trên hiện giá tổng chi phí vốn đầu tư) nhưng không kéo dài quá số năm khai thác đã quy định trong hợp đồng.

Điều 25. Trách nhiệm của nhà đầu tư.

1. Phối hợp cùng Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn và các cơ quan chức năng tổ chức quản lý thực hiện:

a- Xác định và thống nhất công suất của nhà máy nước để làm cơ sở cho công tác đầu tư, cải tạo, nâng công suất, tăng sản lượng nước sạch của nhà máy nước.

b- Chấp hành đúng quy trình vận hành nhà máy nước, đảm bảo sản xuất nước ổn định, đạt tiêu chuẩn chất lượng nước sạch theo quy định của nhà nước và không ảnh hưởng đến điều kiện vận hành của nhà máy.

2. Thực hiện đúng các cam kết được quy định chi tiết trong hợp đồng với Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn.

MỤC VI ĐẦU TƯ XÂY DỰNG MẠNG PHÂN PHỐI CẤP NƯỚC, HỢP ĐỒNG MUA SỈ NƯỚC SẠCH VÀ TỰ TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG KINH DOANH.

Điều 26. Phạm vi hoạt động.

Nhà đầu tư tiếp nhận hệ thống mạng phân phối cấp nước do nhà nước đầu tư hoặc tự đầu tư phát triển mới tuyến ống mạng cấp 3 cung cấp nước tại khu vực chưa có hệ thống cấp nước của Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn, ký hợp đồng mua

sỉ nước sạch qua đồng hồ tổng với Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn và tự tổ chức hoạt động kinh doanh.

Điều 27. Giá bán sỉ nước sạch.

Nhà đầu tư được mua sỉ nước sạch qua đồng hồ tổng của Tổng Công ty cấp nước Sài Gòn với công thức xác định giá nước bán sỉ như sau:

$$G_s = G_{bq} \times h - F_m$$

Trong đó :

G_s : Giá bán sỉ 1 m³ nước sạch tại đồng hồ tổng.

G_{bq} : Giá bán 1 m³ nước sạch bình quân tại kỳ công bố gần nhất (đầu quý I hàng năm).

h : Được xác định là 0,75 lượng nước sạch bán ra với thất thoát nước tối đa là 25% đối với toàn bộ mạng cấp nước để tiêu thụ đã đưa vào sử dụng dưới 10 năm (theo Thông tư liên tịch số 104/2004/TTLT-BTC-BXD ngày 08 tháng 11 năm 2004 của Bộ Tài chính và Bộ Xây dựng hướng dẫn nguyên tắc, phương pháp xác định và thẩm quyền quyết định giá tiêu thụ nước sạch tại các đô thị, khu công nghiệp, cụm dân cư nông thôn). Tỷ lệ này sẽ được giảm dần là 0,5% vào mỗi năm và đến năm 2013 còn 20%, lúc đó h sẽ là 0,8.

F_m : Chi phí mạng cấp 3 cho 1 m³ nước sạch của nhà đầu tư được tính theo Thông tư liên tịch số 104/2004/TTLT-BTC-BXD ngày 08 tháng 11 năm 2004 của Bộ Tài chính và Bộ Xây dựng hướng dẫn nguyên tắc, phương pháp xác định và thẩm quyền quyết định giá tiêu thụ nước sạch tại các đô thị, khu công nghiệp, cụm dân cư nông thôn.

Điều 28. Trách nhiệm của nhà đầu tư.

1. Nhà đầu tư tổ chức thu tiền sử dụng nước, lắp đặt đồng hồ nước, ống nhánh và sửa chữa hệ thống tuyến ống cấp nước cho khách hàng sử dụng nước theo Quyết định số 146/ 2003/QĐ-UB ngày 13 tháng 8 năm 2003 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc ban hành Quy định về cung cấp, sử dụng nước và bảo vệ công trình cấp nước trên địa bàn thành phố và Quyết định số 187/2004/QĐ-UB ngày 28 tháng 7 năm 2004 của Ủy ban nhân dân thành phố về điều chỉnh, bổ sung Quyết định số 146/ 2003/QĐ-UB.

2. Nhà đầu tư bán nước sạch cho khách hàng với giá bán trong phạm vi khung giá bán nước sạch do Ủy ban nhân dân thành phố ban hành.

3. Thực hiện đúng các cam kết được quy định chi tiết trong hợp đồng mua sỉ nước sạch với Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn.

Chương V KIỂM TRA VÀ XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 29. Các cơ quan chức năng của thành phố căn cứ vào chức năng nhiệm vụ của mình thường xuyên tổ chức việc kiểm tra, thanh tra định kỳ và đột xuất việc chấp hành quy chế này và các quy định pháp luật có liên quan.

Điều 30. Các hoạt động đầu tư dịch vụ cung cấp nước sạch thuộc các tổ chức, cá nhân có liên quan đều phải chịu sự kiểm tra của các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo từng lĩnh vực quản lý.

1. Tùy tình hình cụ thể của từng dịch vụ đầu tư có thể kiểm tra từng khâu hoặc tất cả các khâu của quá trình đầu tư.

2. Công tác kiểm tra phải căn cứ vào các quy định của pháp luật về thanh tra và kiểm tra.

Điều 31. Xử lý vi phạm.

Tổ chức, cá nhân nếu vi phạm các quy định của quy chế này thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm sẽ bị xử lý hành chính, hoặc cao hơn là truy cứu trách nhiệm hình sự, nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

Chương VI
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 32. Phân công trách nhiệm.

1. Sở Kế hoạch và Đầu tư :

a- Tiếp nhận, hướng dẫn chính sách, hỗ trợ các nhà đầu tư thực hiện các thủ tục hành chính trong lĩnh vực đầu tư và xem xét hồ sơ đề nghị ưu đãi đầu tư, trình Ủy ban nhân dân thành phố quyết định việc cấp giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư cho các nhà đầu tư theo Luật Khuyến khích đầu tư trong nước.

b- Cấp đăng ký kinh doanh dịch vụ cấp nước.

2. Sở Giao thông - Công chính :

a- Chủ trì phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư và Sở Tài chính xem xét chọn nhà đầu tư và trình Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt đối với hình thức đầu tư theo Khoản 1-Điều 4.

b- Chủ trì phối hợp Sở Kế hoạch và Đầu tư, Ủy ban nhân dân các quận-huyện lập kế hoạch phát triển và nhu cầu nước sạch cho từng thời kỳ của khu vực, tổ chức thông tin công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng và tại Ủy ban nhân dân các quận-huyện vào quý I hàng năm.

c- Hướng dẫn và công khai quy trình thủ tục quản lý kỹ thuật chuyên ngành, các thông tin về các công trình hạ tầng kỹ thuật chuyên ngành có liên quan đến dự án cho nhà đầu tư. Kiểm tra định kỳ, đột xuất việc chấp hành các quy định quản lý chất lượng chuyên ngành, tổ chức đánh giá bảo đảm các tiêu chuẩn đã quy định của Nhà nước.

d- Phối hợp với các Sở, ngành chức năng thực hiện công tác kiểm tra, giám sát nhà đầu tư thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại Điều 8 của bản Quy chế này.

3. Sở Tài nguyên và Môi trường :

Hướng dẫn thủ tục và các biểu mẫu xin cấp phép thăm dò, khai thác và tiếp nhận các hồ sơ cấp phép thăm dò, khai thác, đăng ký khai thác nguồn nước thuộc thẩm quyền.

4. Sở Tài chính :

a- Chủ trì phối hợp với các Sở-ban-ngành, Ủy ban nhân dân quận- huyện lập các quy định và các chính sách về tài chính cho các loại hình dịch vụ cấp nước trình Ủy ban nhân dân thành phố ban hành.

b- Hướng dẫn thủ tục quản lý tài chính cho các nhà đầu tư và tổ chức liên quan thực hiện.

c- Xem xét, thẩm định và trình Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt giá nước sạch của hình thức tự đầu tư và khai thác kinh doanh.

5. Cục Thuế thành phố :

Hướng dẫn việc đăng ký nộp thuế, thực hiện các chính sách miễn, giảm thuế theo quy định của pháp luật về thuế và pháp luật về khuyến khích đầu tư trong nước.

6. Ủy ban nhân dân các quận-huyện :

a- Phối hợp với các cơ quan của thành phố có liên quan để lựa chọn khu vực đầu tư dịch vụ cung cấp nước, các khu vực cần cải tạo, mở rộng.

b- Chỉ đạo các cơ quan chức năng thuộc quận-huyện hỗ trợ tích cực cho nhà đầu tư thực hiện tốt dịch vụ và các vấn đề có liên quan khi triển khai dự án đầu tư.

c- Hướng dẫn và công khai các quy trình thủ tục quản lý cho các nhà đầu tư thực hiện và tổ chức kiểm tra các dịch vụ trong các khu vực nói trên theo quy định của pháp luật.

7. Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn :

a- Đảm nhận công tác phát triển mạng lưới cấp nước nói chung và trong địa bàn thực hiện xã hội hóa.

b- Hướng dẫn kỹ thuật cho các nhà đầu tư và tổ chức thực hiện các hình thức dịch vụ cấp nước.

c- Tổ chức đấu thầu trong các trường hợp nhà đầu tư thực hiện các hình thức quy định tại Khoản 2, 3, 4, 5 và 6, Điều 4.

d- Ký hợp đồng kinh tế với các nhà đầu tư trong các hình thức đầu tư dịch vụ cấp nước; có trách nhiệm phối hợp với các cơ quan chức năng và Ủy ban nhân

dân quận-huyện để tiếp nhận đưa vào hoạt động và quản lý các công trình cấp nước được đầu tư theo hình thức xã hội hóa do các nhà đầu tư chuyển giao cho Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn sau khi kết thúc thời gian đầu tư.

Chương VII **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

Điều 33. Trong quá trình thực hiện có vấn đề gì vướng mắc, hoặc Chính phủ ban hành những văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan đến nội dung của Quy chế này, Sở Giao thông - Công chính có trách nhiệm phối hợp với các ngành, các cấp đề xuất những nội dung cần sửa đổi, bổ sung thay thế, trình Ủy ban nhân dân thành phố xem xét quyết định./.

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ